

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc

THỎA THUẬN KHUNG MUA SẮM TẬP TRUNG

Số: 0411/2020/TTK-TTCNTT-TANA

Căn cứ Luật đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều khoản của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Quyết định số 08/2016/QĐ-TTg ngày 26 tháng 02 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ quy định việc mua sắm tài sản nhà nước theo phương thức mua sắm tập trung;

Căn cứ Nghị định 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Quyết định số 1041/QĐ-BKHCN ngày 26/04/2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ban hành Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Trung tâm Công nghệ thông tin (TTCNTT);

Căn cứ Quyết định số 1396/QĐ-BKHCN ngày 25/05/2020 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc mua sắm tập trung cấp Bộ năm 2020 của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 2627/QĐ-BKHCN ngày 22/09/2020 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua sắm tập trung cấp Bộ năm 2020 được giao cho Trung tâm Công nghệ thông tin;

Căn cứ Hồ sơ mời thầu gói thầu "Phần mềm diệt virus";

Căn cứ Hồ sơ dự thầu gói thầu "Phần mềm diệt virus" của nhà thầu: Công ty Cổ phần Thương mại Công nghệ và Xây dựng Tân Á;

Căn cứ Báo cáo đánh giá Hồ sơ dự thầu gói thầu "Phần mềm diệt virus" ngày 27/10/2020 của tổ Chuyên gia đánh giá Hồ sơ dự thầu;

Căn cứ Quyết định số 326/QĐ-TTCNTT ngày 02/11/2020 về việc Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu "Phần mềm diệt virus";

Căn cứ Biên bản thương thảo Thỏa thuận khung mua sắm tập trung ký ngày 29/10/2020 giữa Trung tâm Công nghệ thông tin và Công ty Cổ phần Thương mại Công nghệ và Xây dựng Tân Á.

Hôm nay, ngày 04 tháng 11 năm 2020, tại Phòng 503, 113 Trần Duy Hưng, Cầu Giấy, Hà Nội, chúng tôi gồm có:

I. Đơn vị mua sắm tập trung (Bên A)

Tên đơn vị: **Trung tâm Công nghệ thông tin - Bộ Khoa học và Công nghệ**

Quyết định thành lập:

Mã số quan hệ với NSNN: 1080777

Mã số thuế: 0101821806

Đại diện: Ông **Hà Quốc Trung**, chức vụ: Giám đốc

II. Nhà thầu cung cấp tài sản (Bên B)

Tên đơn vị: **Công ty Cổ phần Thương mại Công nghệ và Xây dựng Tân Á**

Giấy đăng ký kinh doanh số: 0105423764 ngày 26 tháng 07 năm 2011 do Sở Kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp

Mã số thuế: 0105423764

Đại diện: Bà **Nguyễn Linh Thùy**, chức vụ: Giám đốc

Hai bên thống nhất ký kết thỏa thuận khung mua sắm tài sản tập trung với các nội dung như sau:

Điều 1. Danh mục tài sản cung cấp

1. Chủng loại tài sản cung cấp: theo *phụ lục 01* kèm theo thỏa thuận khung này.

2. số lượng tài sản: theo *phụ lục 01* kèm theo thỏa thuận khung này.

3. Danh sách cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản: theo *phụ lục 02* kèm theo thỏa thuận khung này.

Điều 2. Giá bán tài sản

1. Giá trị Thỏa thuận khung là: **1.160.945.000 VNĐ** (Bằng chữ: Một tỷ, một trăm sáu mươi triệu, chín trăm bốn mươi lăm nghìn đồng chẵn./.).

2. Giá bán tài sản tương ứng với từng loại tài sản: theo *phụ lục 01* kèm theo thỏa thuận khung này.

Điều 3. Thanh toán, thanh lý thỏa thuận khung

1. Thanh toán: Đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản sẽ trực tiếp thanh toán cho Nhà thầu theo Hợp đồng được ký kết giữa các bên.

2. Thanh lý: Sau khi nhà thầu cung cấp tài sản hoàn thành mọi nghĩa vụ của mình với các đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản theo hợp đồng được ký kết.

Điều 4. Thời gian, địa điểm bàn giao tài sản (dự kiến)

1. Thời gian giao tài sản: Trong vòng 20 ngày kể từ ngày Hợp đồng mua sắm giữa đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản và nhà thầu cung cấp tài sản có hiệu lực.

2. Địa điểm giao tài sản: Tại đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản theo *phụ lục 02* kèm theo thỏa thuận khung này.

Điều 5. Bảo hành, bảo trì, đào tạo, hướng dẫn sử dụng tài sản

1. Nhà thầu đảm bảo rằng tài sản được cung cấp theo hợp đồng là chưa sử dụng và license phần mềm chưa được kích hoạt, đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn chế tạo và sẽ không có các khuyết tật hay lỗi kỹ thuật nảy sinh dẫn đến bất lợi trong quá trình sử dụng tài sản.

2. Yêu cầu về bảo hành đối với tài sản như sau: Nhà thầu cung cấp tài sản có trách nhiệm bảo hành tất cả các tài sản mà mình cung cấp trong thời gian là 12 tháng, kể từ ngày ký Biên bản nghiệm thu, bàn giao, tiếp nhận tài sản giữa Đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản và nhà thầu cung cấp tài sản.

3. Hướng dẫn sử dụng tài sản: Nhà thầu cung cấp tài sản phải có trách nhiệm hướng dẫn sử dụng tài sản với cán bộ đầu mối tại địa điểm bàn giao tài sản của đơn vị trực tiếp sử dụng.

4. Trong thời hạn sử dụng tài sản, đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản sẽ được hỗ trợ về kỹ thuật liên quan đến sản phẩm của nhà thầu cung cấp tài sản bằng hình thức tại chỗ hoặc thông qua các phương tiện hỗ trợ từ xa như email, điện thoại, fax, ...

5. Thông tin hỗ trợ kỹ thuật:

- Địa chỉ: Công ty Cổ phần thương mại Công nghệ và xây dựng Tân Á, Đội 7, Xã Hương Ngải, Huyện Thạch Thất, Hà Nội.

- Số điện thoại liên hệ trực tiếp: 024.99999.199.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của các bên có liên quan

1. Quyền và nghĩa vụ của nhà thầu cung cấp tài sản:

1.1. Nhà thầu cung cấp tài sản ký kết hợp đồng, nghiệm thu bàn giao và thanh lý hợp đồng mua sắm tài sản với đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản.

1.2. Hợp đồng phải được ký kết với các đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản trong vòng 30 ngày kể từ ngày Thỏa thuận khung mua sắm tập trung có hiệu lực.

1.3. Nhà thầu cung cấp tài sản có trách nhiệm cung cấp đầy đủ các tài sản và dịch vụ kèm theo đúng chủng loại, số lượng, tiêu chuẩn kỹ thuật và địa điểm được nêu tại *Phụ lục 01 và Phụ lục 02* kèm theo Thỏa thuận khung này.

1.4. Cung cấp chứng từ hóa đơn hợp lệ cho đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản.

1.5. Bảo đảm quyền sở hữu của đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản đối với bản quyền phần mềm sau khi mua bán không bị tranh chấp bởi bất kỳ bên thứ 3 nào và việc chuyển giao bản quyền các phần mềm là hợp pháp.

2. Quyền và nghĩa vụ của đơn vị trực tiếp ký hợp đồng mua sắm, sử dụng tài sản:

2.1. Ký kết Hợp đồng:

- Đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản có trách nhiệm ký kết hợp đồng mua sắm tài sản với nhà thầu đã được đơn vị mua sắm tập trung ký thỏa thuận khung.

- Hợp đồng mua sắm tài sản được lập thành văn bản theo mẫu tại *Phụ lục 03* kèm theo thỏa thuận khung này.

2.2. Kiểm tra, tiếp nhận tài sản:

Phải lập thành biên bản nghiệm thu, bàn giao, tiếp nhận hàng hóa theo mẫu tại *Phụ lục 04* kèm theo thỏa thuận khung này và kèm theo các hồ sơ, tài liệu có liên quan, bao gồm:

- a) Hợp đồng mua sắm tài sản;
- b) Hóa đơn bán hàng;
- c) Giấy chứng nhận bàn quyền phần mềm;
- d) Các tài liệu liên quan khác (nếu có).

2.3. Thanh toán:

- Đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản có trách nhiệm thanh toán toàn bộ tiền mua tài sản cho nhà thầu cung cấp tài sản trong vòng 20 ngày kể từ khi Biên bản nghiệm thu, bàn giao, tiếp nhận tài sản được ký kết.

- Việc thanh toán tiền mua sắm tài sản được thực hiện theo quy định của Pháp luật, theo thỏa thuận khung và hợp đồng mua sắm tài sản đã ký với nhà thầu cung cấp tài sản.

2.4. Thanh lý:

- Đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản có trách nhiệm Thanh lý hợp đồng mua sắm tài sản với Nhà thầu cung cấp tài sản theo quy định hiện hành.

- Quyết toán kinh phí mua sắm tài sản.

- Việc quyết toán, thanh lý hợp đồng tài sản được thực hiện theo quy định của pháp luật và hợp đồng mua sắm tài sản đã ký với nhà thầu cung cấp tài sản.

2.5. Đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản phải gửi 01 bản chính các văn bản liên quan bao gồm: Hợp đồng, Biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản, Thanh lý hợp đồng giữa Đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản và Nhà thầu cung cấp tài sản cho Đơn vị mua sắm tập trung.

2.6. Theo dõi tài sản trên sổ kế toán, quản lý, sử dụng tài sản được trang bị theo quy định của pháp luật về kế toán, pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.

3. Quyền và nghĩa vụ của Đơn vị mua sắm tập trung:

3.1. Ký kết thỏa thuận khung với nhà thầu cung cấp tài sản.

3.2. Đăng tải danh sách nhà thầu được chọn, thỏa thuận khung ký giữa nhà thầu và đơn vị mua sắm tập trung, tài liệu mô tả chi tiết phần mềm (tên, tiêu chuẩn kỹ thuật, đơn giá, xuất xứ), mẫu hợp đồng mua sắm trên Trang thông tin về tài sản nhà nước của Bộ Tài chính và Cổng thông tin điện tử của Bộ Khoa học và Công nghệ.

3.3. Thông báo bằng hình thức văn bản đến các Đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản theo Danh sách tại *Phụ lục 02* kèm theo thỏa thuận khung này.

3.4. Trên cơ sở thông báo bằng văn bản của đơn vị mua sắm tập trung, các đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản tiến hành ký Hợp đồng mua sắm tài sản với nhà thầu cung cấp tài sản.

3.5. Đơn đốc, kiểm tra việc mua sắm tài sản giữa các đơn vị mua sắm trực tiếp và nhà thầu cung cấp tài sản.

Điều 7. Hiệu lực của thỏa thuận khung

Thỏa thuận khung này có hiệu lực kể từ ngày được hai Bên ký kết cho đến khi Hợp đồng mua sắm tài sản giữa các đơn vị trong *Phụ Lục 02* và Nhà thầu được nghiệm thu, thanh lý.

Điều 8. Bảo đảm thực hiện Thỏa thuận khung

1. Giá trị bảo đảm thực hiện Thỏa thuận khung: Trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày hai bên ký Thỏa thuận khung, Bên B phải nộp cho Bên A một khoản bảo đảm thực hiện Thỏa thuận khung. Bảo đảm thực hiện Thỏa thuận khung được thay thế cho bảo đảm thực hiện hợp đồng và thực hiện 01 lần cho toàn bộ các hợp đồng mua sắm tài sản và có giá trị từ 02% đến 03% giá trị Thỏa thuận khung tương ứng số tiền là: **30.000.000 VND** (*Bằng chữ: Ba mươi triệu đồng chẵn*).

2. Hình thức bảo đảm thực hiện Thỏa thuận khung: Bảo lãnh Ngân hàng.

3. Bên A đại diện cho các đơn vị sử dụng trực tiếp tài sản thực hiện việc lưu giữ và bảo quản bảo đảm thực hiện Thỏa thuận khung. Bảo đảm thực hiện Thỏa thuận khung sẽ được trả cho Bên A khi Bên B không hoàn thành nghĩa vụ và trách nhiệm của mình theo Thỏa thuận khung.

4. Thời hạn có hiệu lực của Bảo đảm thực hiện Thỏa thuận khung: Kể từ khi Thỏa thuận khung có hiệu lực cho đến khi Thỏa thuận khung được nghiệm thu thanh lý. Bảo đảm thực hiện Thỏa thuận khung phải được thực hiện trước khi hợp đồng mua sắm tài sản được ký kết..

Điều 9. Bất khả kháng

1. Trong Thỏa thuận khung này, bất khả kháng được hiểu là những sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát và khả năng lường trước của các bên, chẳng hạn như: chiến tranh, bạo loạn, đình công, hoả hoạn, thiên tai, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch...

2. Khi xảy ra sự kiện bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện. Đồng thời, chuyển cho bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng.

3. Trong khoảng thời gian không thể thực hiện Thỏa thuận khung do điều kiện bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng vẫn phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ Thỏa thuận khung của mình theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để thực hiện các phần việc không bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng.

4. Một bên không hoàn thành nhiệm vụ của mình do trường hợp bất khả kháng sẽ không phải bồi thường thiệt hại, bị phạt hoặc bị chấm dứt Thỏa thuận khung theo quy định hiện hành của pháp luật.

5. Trường hợp phát sinh tranh chấp giữa các bên do sự kiện bất khả kháng xảy ra hoặc kéo dài thì tranh chấp sẽ được giải quyết theo quy định tại Điều 10 của Thỏa thuận khung này.

Điều 10. Luật áp dụng và giải quyết tranh chấp

1. Luật áp dụng đối với Thỏa thuận khung là pháp luật hiện hành của Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Trong quá trình thực hiện Thỏa thuận khung, nếu có phát sinh tranh chấp thì hai bên sẽ giải quyết thông qua đàm phán trực tiếp, thương lượng và hoà giải trên tinh thần hợp tác và tôn trọng lợi ích của nhau.

2. Trường hợp quá 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày cuộc đàm phán cuối cùng không thành công, thì hai bên sẽ đưa vấn đề tranh chấp ra Tòa án có thẩm quyền tại Việt Nam để giải quyết. Phán quyết của Tòa án là quyết định cuối cùng và có giá trị bắt buộc thực hiện đối với cả hai bên.

Điều 11. Xử phạt do vi phạm thỏa thuận khung

1. Trường hợp vi phạm gây thiệt hại cho Bên A, mức bồi thường thiệt hại do vi phạm Thỏa thuận khung căn cứ theo quy định của pháp luật hiện hành và thỏa thuận giữa Bên A và Bên B.

2. Trừ trường hợp bất khả kháng, nếu Bên B không thực hiện đúng tiến độ qui định của Thỏa thuận khung thì Bên B sẽ phải chịu mức phạt là 01%/ngày giá trị phần công việc chậm tiến độ nhưng tối đa không vượt quá 08% (tám phần trăm) giá trị phần công việc chậm tiến độ theo quy định của Thỏa thuận khung.

Điều 12. Các nội dung liên quan khác.

1. Điều chỉnh Thỏa thuận khung:

- Việc điều chỉnh Thỏa thuận khung chỉ được áp dụng trong thời gian Thỏa thuận khung còn hiệu lực.

- Khối lượng danh mục tài sản điều chỉnh (tăng hoặc giảm) tối đa không quá 20% khối lượng gói thầu (danh mục tài sản điều chỉnh hoặc bổ sung phải thuộc danh mục tài sản cung cấp tại điều 1 của Thỏa thuận khung), trong đó:

+ Trường hợp tổng giá trị gói thầu sau điều chỉnh không vượt quá giá trị toàn bộ gói thầu được duyệt: Hai bên thống nhất khối lượng điều chỉnh và ký bổ sung phụ lục Thỏa thuận khung để triển khai thực hiện.

+ Trường hợp tổng giá trị gói thầu sau điều chỉnh vượt quá giá trị toàn bộ gói thầu được duyệt thì Bên A phối hợp với đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản thương thảo, thống nhất với Bên B phần khối lượng và giá trị điều chỉnh. Báo cáo cấp có thẩm quyền phê duyệt để triển khai thực hiện.

- Những khối lượng công việc tăng do lỗi chủ quan của nhà thầu gây ra thì không được phép điều chỉnh.

- Hợp đồng mua sắm tài sản đối với khối lượng điều chỉnh được ký kết giữa đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản và bên B

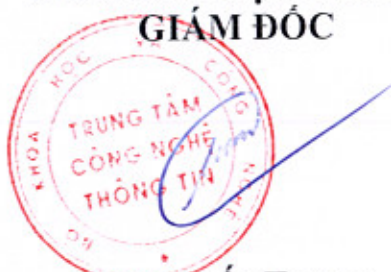
2. Điều khoản thi hành

- Thỏa thuận khung có hiệu lực kể từ ngày hai bên ký kết.

- Thỏa thuận khung này được làm thành 15 (mười lăm) bản có giá trị pháp lý như nhau, Đơn vị mua sắm tập trung và Nhà thầu cung cấp tài sản mỗi bên giữ 04 (bốn) bản, các đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản nêu tại Phụ lục 01 của thỏa thuận khung này mỗi bên giữ 01 (một) bản.

Thỏa thuận khung này là cơ sở để các Đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản ký hợp đồng mua sắm tài sản với Nhà thầu cung cấp tài sản./.

**ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ
MUA SẮM TẬP TRUNG
GIÁM ĐỐC**



Hà Quốc Trung

**ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU
CUNG CẤP TÀI SẢN
GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Linh Thùy

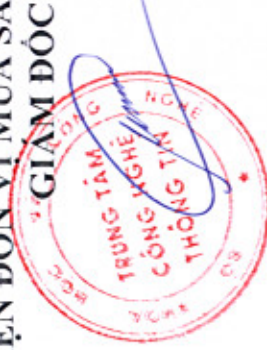
PHỤ LỤC 01

(Kèm theo thỏa thuận khung mua sắm tập trung Số: 04/11/2020/TTK-TTCNTT-TANA giữa Trung tâm Công nghệ thông tin và Công ty Cổ phần Thương mại Công nghệ và Xây dựng Tân Á)

S/TT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Xuất xứ	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Đơn giá (đồng)
1	ESET SECURE BUSINESS (01 license cài cho 600 máy).	License	1		Phần mềm diệt virus cho máy tính chủ và máy tính trạm	234.500.000
2	ESET MAIL SECURITY FOR MICROSOFT EXCHANGE SERVER (01 license cài cho 800 user)	License	1		Phần mềm chống spam cho hệ thống thư điện tử	240.200.000
3	ESET ENDPOINT PROTECTION ADVANCE (01 license cài cho 02 máy)	License	1	Slovakia	Phần mềm diệt virus cho máy tính chủ	1.100.000
4	ESET ENDPOINT PROTECTION ADVANCE (01 license cài cho 15 máy)	License	1		Phần mềm diệt virus cho máy tính chủ	11.000.000
5	ESET INTERNET SECURITY (5U)	License	11		Phần mềm diệt virus cho máy tính trạm	480.000
6	KASPERSKY ENDPOINT FOR BUSINESS - SELECT (01 license cài cho 550 máy)	License	1		Phần mềm diệt virus cho máy tính chủ và máy tính trạm	425.000.000
7	KASPERSKY ENDPOINT FOR BUSINESS - SELECT (01 license cài cho 150 máy)	License	1	Liên bang Nga	Phần mềm diệt virus cho máy tính chủ và máy tính trạm	125.000.000
8	KASPERSKY ENDPOINT FOR BUSINESS - SELECT	License	1		Phần mềm diệt virus cho máy tính chủ và máy tính trạm	4.000.000

	01 license cài cho 01 máy							
5	KASPERSKY INTERNET SECURITY	License	65				Phần mềm diệt virus cho máy tính trạm	299.000
6	KASPERSKY INTERNET SECURITY 5U	License	14				Phần mềm diệt virus cho máy tính trạm	495.000
7	Hỗ trợ kỹ thuật 24 x 7 x 365	Gói	01				Hỗ trợ kỹ thuật trong thời gian sử dụng phần mềm tại các đơn vị trực tiếp sử dụng phần mềm do Nhà thầu cung cấp	0
8	Dịch vụ triển khai phần mềm tại Trụ sở Bộ Khoa học và Công nghệ, 113 Trần Duy Hưng, Cầu Giấy, Hà Nội.		01		Công ty Cổ phần Thưng mại Côn nghệ và Xây dựng Tân Á		Hỗ trợ triển khai, cài đặt: - Phần mềm quản trị tập trung hệ thống diệt virus và thư rác tại Trụ Sở Bộ; - Phần mềm diệt virus cho toàn bộ hệ thống máy tính chủ, máy tính trạm tại Trụ sở Bộ;	0
9	Dịch vụ triển khai phần mềm tại: Cục Sở hữu Trí tuệ, Bộ Khoa học và Công nghệ, 386 Đường Nguyễn Trãi, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.	Gói	01				Hỗ trợ triển khai, cài đặt: - Phần mềm quản trị tập trung hệ thống diệt virus tại Cục - Phần mềm diệt virus cho toàn bộ hệ thống máy tính chủ, máy tính trạm tại Cục	88.500.000

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ MUA SẮM TẬP TRUNG



Hà Quốc Trung

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU CUNG CẤP TÀI SẢN



Nguyễn Linh Thùy

PHỤ LỤC 02

(Kèm theo thỏa thuận khung mua sắm tập trung Số:0411/2020/TTK-TTCNTT-TANA giữa Trung tâm Công nghệ thông tin và Công ty Cổ phần Thương mại Công nghệ và Xây dựng Tân Á)

DANH SÁCH CƠ QUAN, ĐƠN VỊ, TỔ CHỨC SỬ DỤNG TÀI SẢN

STT	Tên cơ quan, đơn vị, tổ chức	Số lượng (License)	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Tổng giá trị Hợp đồng của đơn vị	Địa chỉ
1	Trung tâm Công nghệ thông tin, Bộ Khoa học và Công nghệ	1	234.500.000	234.500.000	474.700.000	113 Trần Duy Hưng, Cầu Giấy, Hà Nội
		1	240.200.000	240.200.000		
2	Cục Sở hữu Trí tuệ, Bộ Khoa học và Công nghệ	1	425.000.000	425.000.000	513.500.000	386 Đường Nguyễn Trãi, Quận Thanh Xuân, Hà Nội
		01 Gói dịch vụ triển khai cài đặt	88.500.000	88.500.000		
3	Cục Thông tin Khoa học và Công nghệ Quốc gia, Bộ Khoa học và Công nghệ	1	125.000.000	125.000.000	125.000.000	24-26 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội
4	Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ Quốc gia, Bộ Khoa học và Công nghệ	65	299.000	19.435.000	23.435.000	39 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội
		1	4.000.000	4.000.000		
5	Văn phòng viện Năng lượng Nguyên tử Việt Nam, Bộ Khoa học và	1	11.000.000	11.000.000	14.840.000	59 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội
		8	480.000	3.840.000		

	Công nghệ								
6	Viện Khoa học Sở hữu trí tuệ, Bộ Khoa học và Công nghệ	1	1.100.000	1.100.000	1.100.000	2.540.000	39 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội		
		3	480.000	480.000	1.440.000				
7	Viện Công nghệ Xạ hiếm, Bộ Khoa học và Công nghệ	14	495.000	6.930.000	6.930.000	6.930.000	48 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội		
TỔNG CỘNG						1.160.495.000			

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ MUA SẴM TẬP TRUNG
GIÁM ĐỐC



Hà Quốc Trung

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU CUNG CẤP TÀI SẢN
GIÁM ĐỐC



Nguyễn Linh Thùy

PHỤ LỤC 03

(Kèm theo thỏa thuận khung mua sắm tập trung Số:0411/2020/TTK-TTCNTT-TANA giữa Trung tâm Công nghệ thông tin và Công ty Cổ phần Thương mại Công nghệ và Xây dựng Tân Á)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG MUA SẮM TÀI SẢN

Số:

(Áp dụng cho trường hợp mua sắm theo cách thức thỏa thuận khung)

Căn cứ Luật đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Quyết định số 08/2016/QĐ-TTg ngày 26 tháng 02 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ quy định việc mua sắm tài sản nhà nước theo phương thức tập trung;

Căn cứ Nghị định 151/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thỏa thuận khung số..... ngày tháng năm giữa (tên đơn vị mua sắm tập trung) và (tên nhà thầu cung cấp tài sản, hành hóa, dịch vụ);

Hôm nay, ngày tháng năm , tại, chúng tôi gồm có:

I. Nhà thầu cung cấp tài sản:

Tên đơn vị:

Giấy đăng ký kinh doanh số : ... ngày ... do ... cấp

Quyết định thành lập: ... ngày ... của ...

Mã số thuế:

Đại diện bởi:, chức vụ.....

II. Cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản (Bên mua sắm tài sản):

Tên đơn vị:

Quyết định thành lập số: ... ngày ... của ...

Mã số quan hệ với NSNN:

Mã số thuế (nếu có):

Đại diện bởi:, chức vụ.....

Hai bên thống nhất ký Hợp đồng mua sắm tài sản với các nội dung sau:

Điều 1. Chủng loại, số lượng tài sản

1. Chủng loại tài sản mua sắm.
2. Số lượng tài sản mua sắm.

Điều 2. Giá bán tài sản

Giá bán tài sản tương ứng với từng loại tài sản tại Điều 1 của Hợp đồng.

Điều 3. Phương thức và thời hạn thanh toán

1. Phương thức thanh toán
2. Thời hạn thanh toán

Điều 4. Thời gian, địa điểm giao, nhận tài sản

1. Thời gian giao, nhận tài sản
2. Địa điểm giao, nhận tài sản.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của các bên.

1. Quyền và nghĩa vụ của nhà thầu cung cấp tài sản:
 - a) Quyền và nghĩa vụ bảo hành, bảo trì tài sản.
 - b) Quyền và nghĩa vụ đào tạo, hướng dẫn sử dụng tài sản (nếu có).
 - c) Quyền và nghĩa vụ khác.
2. Quyền và nghĩa vụ của đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản.

Điều 6. Chế độ xử phạt do vi phạm hợp đồng.

Hợp đồng này được làm thành bản có giá trị pháp lý như nhau; cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp mua sắm tài sản, nhà thầu cung cấp tài sản (mỗi bên giữ 02 bản); gửi 01 bản cho đơn vị mua sắm tập trung./.

**ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU
CUNG CẤP TÀI SẢN**
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

**ĐẠI DIỆN CƠ QUAN, TỔ CHỨC,
ĐƠN VỊ TRỰC TIẾP SỬ DỤNG
TÀI SẢN**
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

PHỤ LỤC 04

(Kèm theo thỏa thuận khung mua sắm tập trung Số:0411/2020/TTK-TTCNTT-TANA giữa Trung tâm Công nghệ thông tin và Công ty Cổ phần Thương mại Công nghệ và Xây dựng Tân Á)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHIỆM THU, BÀN GIAO, TIẾP NHẬN TÀI SẢN

Căn cứ Nghị định 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thỏa thuận khung số ngày ... tháng ... năm..... giữa (tên nhà thầu cung cấp tài sản) và (tên đơn vị mua sắm tập trung);

Căn cứ Hợp đồng mua sắm tài sản số..... ngày tháng năm giữa (tên cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản) và (tên nhà thầu cung cấp tài sản);

Hôm nay, ngày tháng năm , tại, chúng tôi gồm có:

I. Đại diện nhà thầu cung cấp tài sản (bên giao):

1. Ông (Bà):....., chức vụ.....

2. Ông (Bà):....., chức vụ.....

II. Đại diện cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản (bên nhận):

1. Ông (Bà):....., chức vụ.....

2. Ông (Bà):....., chức vụ.....

Các bên thống nhất thực hiện nghiệm thu, bàn giao tài sản gồm các nội dung sau:

1/ Tài sản thực hiện bàn giao:

SỐ TT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Giá mua (đồng)	Thành tiền	Hiện trạng tài sản bàn

					(đồng)	giao
1						
...						
...	Cộng:					

2/ Các hồ sơ về tài sản bàn giao, tiếp nhận:

3/ Ý kiến của các bên giao, bên nhận (nếu có):

3.1. Ý kiến của bên giao:

3.2. Ý kiến của bên nhận:

**ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU
CUNG CẤP TÀI SẢN**
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

**ĐẠI DIỆN CƠ QUAN, TỔ CHỨC,
ĐƠN VỊ
TRỰC TIẾP SỬ DỤNG TÀI SẢN**
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)